

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Thuận
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)..

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	
1	I	Thiết bị có trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.			
2	1	Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non	Phù hợp với từng đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo quy định của Bộ GDĐT	Định mức cụ thể của từng loại thiết bị thực hiện theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 và Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/9/2013.	- Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT; - Trang bị theo từng trường/điểm trường.
3	2	Thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non	Phù hợp với từng đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo quy định của Bộ GDĐT	Định mức cụ thể của từng loại thiết bị thực hiện theo Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012.	- Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012; - Trang bị theo từng trường/điểm trường.
4	3	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học.	Phù hợp với từng loại thiết bị theo quy định của Bộ GDĐT	Định mức cụ thể của từng loại thiết bị thực hiện theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT.	Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT; Quyết định 1450/QĐ-BGDĐT.

STT		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
5	4	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS.	Phù hợp với từng loại thiết bị theo quy định của Bộ GDĐT	Định mức cụ thể của từng loại thiết bị thực hiện theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT	Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT; Quyết định 1450/QĐ-BGDĐT.
6	5	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT.	Phù hợp với từng loại thiết bị theo quy định của Bộ GDĐT	Định mức cụ thể của từng loại thiết bị thực hiện theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT	Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT; Quyết định 1450/QĐ-BGDĐT.
7	6	Thiết bị tối thiểu dạy học môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học và Ngoại ngữ - Trường trung học phổ thông chuyên.	Phù hợp với từng loại thiết bị theo quy định của Bộ GDĐT	Định mức cụ thể của từng loại thiết bị thực hiện theo Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT.	Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT.
8	7	Phòng học ngoại ngữ cấp tiểu học, THCS, THPT (phần thiết bị).	Phòng /trường	- Định mức cụ thể của từng loại thiết bị/01 Phòng thực hiện trong phạm vi quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Riêng màn hình trang bị thêm bảng trượt để bảo vệ và phục vụ giảng dạy. Trang bị bàn ghế học cho giáo viên và học sinh theo số lượng người thực tế. - Định mức số Phòng ngoại ngữ/trường: +Tiểu học: 01 Phòng/trường, điểm trường.	Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT; Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT. Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT. Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT; Quyết định 1450/QĐ-BGDĐT. - Trang bị theo từng trường/điểm trường.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			+ THCS: 02 Phòng/trường, điểm trường. + THPT: 03 Phòng/trường.	
9	8 Phòng học tin học (phần thiết bị): (1) Tivi thông minh, màn hình cảm ứng... (có bảng trượt): - Kích cỡ màn hình: ≥ 75 inch - Độ phân giải màn hình: $\geq 3840 \times 2160$ (4K UHD) - Tính năng chuyên dụng, tính năng thông minh, kết nối vật lý... phù hợp yêu cầu sử dụng giảng dạy. - Các phần mềm phù hợp (2) Máy tính để bàn giáo viên: - Bộ vi xử lý CPU: tốc độ cơ bản $\geq 2.5\text{GHz}$ up to 4.40GHz , số nhân ≥ 6 , số luồng ≥ 12 , bộ nhớ Cache $\geq 18\text{MB}$ (hoặc tương đương); - Bo mạch chủ: + Hỗ trợ tối thiểu: $\geq 1 \times \text{PCIe } 4.0/3.0 \times 16$ slot, $1 \times \text{PCI}$ slot, $> 4 \times \text{DIMM DDR4 } 3200/3000/2933/2800/2666\text{MHz}$, VGA & Sound 08 Channel; + Công kết nối tối thiểu: $1 \times \text{Headphone}$; $1 \times \text{MIC in}$; $2 \times \text{USB } 3.0$; $1 \times \text{LAN (RJ45)}$, $1 \times \text{D-Sub Port}$, $1 \times \text{HDMI port}$, $1 \times \text{Display port}$, $4 \times \text{USB (} 2 \times \text{USB } 3.0, 2 \times \text{USB } 2.0)$, $1 \times \text{SPDIF out connector}$, $3 \times \text{Audio jack(s)}$; - Bộ nhớ RAM: $\geq 8\text{GB DDR4 Bus } \geq 2666\text{MHz}$; - Ổ cứng SSD $\geq 512 \text{ GB}$; - Thùng máy/Nguồn: $\geq 500\text{W}$, bàn phím, chuột: Đồng bộ thương hiệu; - Màn hình: ≥ 21.5 inch LED (Độ phân giải: Full HD 1920×1080 Pixels); Đồng bộ thương hiệu máy tính. - Cài đặt các phần mềm phù hợp (3) Máy tính để bàn cho học sinh: - Bộ vi xử lý CPU: tốc độ cơ bản $\geq 3.7\text{GHz}$, số nhân ≥ 2 , số luồng ≥ 4 , bộ nhớ Cache $\geq 6\text{MB}$ (hoặc tương đương); - Bo mạch chủ: + Hỗ trợ tối thiểu: $\geq 1 \times \text{PCIe } 4.0/3.0 \times 16$ slot, $1 \times \text{PCI}$ slot, $> 4 \times \text{DIMM DDR4 } 3200/3000/2933/2800/2666\text{MHz}$, VGA & Sound 08 Channel; + Công kết nối tối thiểu: $1 \times \text{Headphone}$; $1 \times \text{MIC in}$; $2 \times \text{USB } 3.0$; $1 \times \text{LAN (RJ45)}$, $1 \times \text{D-Sub Port}$, $1 \times \text{HDMI port}$, $1 \times \text{Display port}$, $4 \times \text{USB (} 2 \times \text{USB } 3.0, 2 \times \text{USB } 2.0)$, $1 \times \text{SPDIF out connector}$, $3 \times \text{Audio jack(s)}$; - Bộ nhớ RAM: $\geq 4\text{GB DDR4 Bus } \geq 2666\text{MHz}$;	Phòng /trường	- Định mức cụ thể cụ thể của từng loại thiết bị/01 Phòng thực hiện trong phạm vi quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Riêng màn hình trang bị thêm bảng trượt để bảo vệ và phục vụ giảng dạy. Trang bị bàn ghế học cho giáo viên và học sinh theo số lượng người thực tế. - Định mức số Phòng tin học/trường: +Tiểu học: 01 Phòng/trường, điểm trường. + THCS: 02 Phòng/trường, điểm trường. + THPT: 03 Phòng/trường.	Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT; Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT; Quyết định 1450/QĐ-BGDĐT. - Trang bị theo từng trường/điểm trường.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Ổ cứng SSD ≥ 256 GB; - Thùng máy/Nguồn: ≥ 450W, bàn phím, chuột: Đồng bộ thương hiệu; - Màn hình: ≥ 21.5 inch LED (Độ phân giải: Full HD 1920 x 1080 Pixels); Đồng bộ thương hiệu máy tính. - Cài đặt các phần mềm phù hợp (4) Máy in laser A4 hai mặt (trắng đen): - Chế độ in: In đảo mặt tự động; - Tốc độ in: ≥ 40 trang/ phút (A4); - Độ phân giải in: $\geq 600 \times 600$ dpi; - Bộ nhớ trong: ≥ 1 GB; - Khổ giấy in: A4, B5, A5, B6, Letter, Legal; - Khay giấy vào tiêu chuẩn (≥ 250 tờ) và Khay tay; - Khay giấy ra: ≥ 100 tờ; - Màn hình điều khiển: LCD; - Cổng giao tiếp tối thiểu: USB 2.0, 10/100/1.000 Mb/s Base-T Ethernet; - Hỗ trợ hệ điều hành: Windows 10, Windows Server, Linux hoặc các phiên bản cao hơn. - Hộp mực máy in chính hãng in được tối thiểu 8.000 khổ trang giấy A4. (5) Máy điều hoà không khí/máy lạnh (2 máy/Phòng) (6) Thiết bị Phòng cháy chữa cháy và các thiết bị khác phù hợp. 			
10	9	Bộ/phòng	1 bộ/phòng học/phòng bộ môn/phòng thí nghiệm, thực hành, v.v.	<p>Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT;</p> <p>Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT;</p> <p>Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT;</p> <p>Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT;</p> <p>Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT;</p> <p>Quyết định 1450/QĐ-BGDĐT.</p>
11	10	Phù hợp với từng loại thiết	Định mức cụ thể cho từng lớp	<p>Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành danh mục thiết bị</p>

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Thiết bị tối thiểu môn giáo dục quốc phòng và an ninh.	bị theo quy định của Bộ GDĐT	hoặc cho từng trường theo quy định, hướng dẫn về định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	dạy học tối thiểu môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
12	II	Thiết bị không có trong danh mục thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo		
13	1			Trang bị tại các cơ sở giáo dục có liên quan.
14	1.1	Bộ/đơn vị	1	<p>Máy tính để bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bộ vi xử lý CPU: tốc độ cơ bản up to $\geq 4.2\text{GHz}$, số nhân ≥ 6, số luồng ≥ 12, bộ nhớ Cache $\geq 18\text{MB}$ (hoặc tương đương); + Bo mạch chủ: Hỗ trợ tối thiểu: $\geq 1 \times \text{PCIe } 4.0/3.0 \times 16$ slot, $1 \times \text{PCI slot}$, $\geq 4 \times \text{DIMM DDR4 } 3200/3000/2933/2800/2666\text{MHz}$, VGA & Sound 08 Channel; Cổng kết nối trước tối thiểu: $1 \times \text{Headphone}$; $1 \times \text{MIC in}$/$2 \times \text{USB } 2.0$; $2 \times \text{USB } 3.0$; Cổng kết nối sau tối thiểu: $1 \times \text{LAN (RJ45)}$, $1 \times \text{D-Sub Port}$, $1 \times \text{HDMI port}$, $1 \times \text{Display port}$, $6 \times \text{USB (} 3 \times \text{USB } 3.0, 3 \times \text{USB } 2.0, 1 \times \text{SPDIF out connector, } 3 \times \text{Audio jack(s))}$; + Bộ nhớ RAM: $\geq 16\text{GB DDR4 Bus } \geq 2666\text{MHz}$; + Ổ cứng SSD $\geq 512 \text{ GB}$; + Thùng máy/Nguồn: $\geq 450\text{W}$, bàn phím, chuột: Đồng bộ thương hiệu; + Hệ điều hành: phiên bản tối thiểu Windows 11 bản quyền; + Màn hình: $\geq 21\text{inch LED}$ (Độ phân giải: Full HD 1920×1080 Pixels); Đồng bộ thương hiệu máy tính. + Cài đặt các phần mềm phù hợp. <p>- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.</p>

STT		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
15	1.2	Máy in laser trắng đen (khổ in A3).	Cái/đơn vị	2	
16	1.3	Máy in laser màu.	Cái/đơn vị	1	
17	1.4	Máy photocopy siêu tốc (khổ in A3).	Cái/đơn vị	1	
18	1.5	Máy xếp trang và dập kim (khổ A3).	Cái/đơn vị	1	
19	1.6	Phần mềm tuyển sinh.	Phần mềm/đơn vị	1	
20	1.7	Phần mềm chấm trắc nghiệm.	Phần mềm/đơn vị	1	
21	1.8	Máy chấm trắc nghiệm.	Cái/đơn vị	2	
22	1.9	Máy Scanner màu (khổ A3).	Cái/đơn vị	1	
23	1.10	Máy tính xách tay: + Bộ vi xử lý CPU: tốc độ lên đến tối thiểu $\geq 4.6\text{GHz}$, số nhân ≥ 10 , số luồng ≥ 12 , bộ nhớ Cache $\geq 12\text{MB}$ (hoặc tương đương); + Bo mạch chủ: Hỗ trợ tối thiểu: $\geq 1 \times \text{DIMM DDR4}$, Sound; Cổng kết nối tối thiểu: $1 \times \text{Wireless}$, $1 \times \text{Bluetooth}$, $1 \times \text{HDMI port}$, $4 \times \text{USB}$, $1 \times \text{Audio jack(s)}$, $1 \times \text{Camera} \geq 720\text{p HD}$; + Bộ nhớ RAM: $\geq 16\text{GB DDR4 Bus} \geq 2666\text{MHz}$; + Ổ cứng SSD $\geq 256 \text{GB M.2}$; + Pin: $\geq 48 \text{ WHrs}$; + Màn hình: $\geq 14.0 \text{ inch}$, Full HD $1920 \times 1080 \text{ Pixels}$. + Cài đặt các phần mềm phù hợp.	Cái/đơn vị	1	
24	2	Thiết bị dùng chung tại các đơn vị			
25	2.1	Các phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học			Trang bị tại các cơ sở giáo dục.
26	2.1.1	Kiểm định chất lượng giáo dục.	Phần mềm/đơn vị	1	- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số trong giáo dục và đào tạo
27	2.1.2	Ngân hàng đề	Phần mềm/đơn vị	1	
28	2.1.3	Xây dựng thời khoá biểu.	Phần	1	

STT	Nội dung		Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			mềm/đơn vị		giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.
29	2.1.4	Quản lý trường học.	Phần mềm/đơn vị	1	
30	2.1.5	Soạn giảng.	Phần mềm/đơn vị	1	
31	2.1.6	Học ngoại ngữ.	Phần mềm/đơn vị	1	
32	2.1.7	Quản lý giáo dục trực tuyến.	Phần mềm/đơn vị	1	
33	2.1.8	Phổ cập xóa mù chữ	Phần mềm/đơn vị	1	Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ GDĐT Quy định về Quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;
34	2.1.9	Học liệu số	Phần mềm/đơn vị	1	Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030
35	2.1.10	Thi đua khen thưởng	Phần mềm/đơn vị	1	Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	
36	2.1.11	Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số.	Phần mềm/đơn vị	1	- Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng năm 2025; - Công văn số 3873/BGDĐT-GDMN ngày 26/8/2019 và Công văn số 3946/BGDĐT-CNTT ngày 30/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
37	2.1.12	Quản lý văn bằng, chứng chỉ.	Phần mềm/đơn vị	1	Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.
38	2.1.13	Quản trị hồ sơ học sinh toàn tỉnh (từ cấp mầm non đến cấp THPT).	Phần mềm/đơn vị	1	Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030

STT	Nội dung		Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
39	2.1.14	Hệ thống các cơ sở dữ liệu chung toàn ngành.	Phần mềm/đơn vị	1	Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030
40	2.1.15	Các phần mềm khác hỗ trợ cho quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học.	Phần mềm/Loại phần mềm/đơn vị	1	Khi có nhiệm vụ phát sinh mà yêu cầu phải có phần mềm để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học thì được trang bị để phục vụ cho quản lý và đào tạo.
41	2.2	Hệ thống máy điều hoà không khí phục vụ trong phòng thư viện, thí nghiệm, thực hành, bộ môn.	Cái/Phòng	2	Trang bị theo từng phòng bộ môn, phòng chức năng.
42	2.3	Hệ thống âm thanh, ánh sáng	Bộ/trường	1	Phục vụ hoạt động ngoài giờ lên lớp
43	3	Thiết bị phục vụ cho các trường chuyên biệt			
44	3.1	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập.			
45	3.1.1	Máy giặt.	Cái/đơn vị	1	
46	3.1.2	Máy điều hòa không khí/máy lạnh (cho phòng tâm vận động).	Cái /phòng học	1	
47	3.1.3	Máy hút bụi (phòng tâm vận động).	Cái/đơn vị	1	
48	3.1.4	Tủ 4 ngăn có khoá	Cái/phòng học	1	
49	3.1.5	Máy điều hòa không khí/máy lạnh	Cái/phòng học	1	
50	3.2	Trường THPT chuyên, DTNT, DTBT có bếp ăn, học sinh nội trú, bán trú.			Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học

STT	Nội dung		Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
					sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; áp dụng cho các trường Tiểu học, THCS, THPT, THPT DT bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh.
51	3.2.1	Bếp ga công nghiệp/bếp điện phục vụ nấu ăn.	Cái/Trường	1	
52	3.2.2	Tủ ga nấu cơm nhà ăn học sinh.	Cái/Trường	1	
53	3.2.3	Tủ lạnh bảo quản thức ăn nhà bếp, tủ lưu mẫu thức ăn.	Cái/Trường	1	
54	3.2.4	Hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời.	Hệ thống/Trường	1	
55	3.2.5	Tủ để đồ khô	Cái/Trường	1	
56	3.2.6	Tủ để thực phẩm, gia vị	Cái/Trường	1	
57	3.2.7	Tủ sấy bát đĩa	Cái/Trường	1	
58	3.2.8	Tủ đựng bát	Cái/Trường	1	
59	3.2.9	Bồn rửa thực phẩm 2 chậu (có chân bằng inox, có vòi nước vào bồn)	Cái/Trường	1	
60	3.2.10	Máy xay thịt	Cái/Trường	1	
61	3.2.11	Máy thái thịt	Cái/Trường	1	
62	4	Thiết bị, phần mềm khác phục vụ cho các hoạt động dạy và học trong trường mầm non, mẫu giáo.			Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"
63	4.1	- Phần mềm phục vụ giảng dạy; - Phần mềm phục vụ vui chơi của các cháu mẫu giáo và nhà trẻ. - Quản lý dinh dưỡng - Lập kế hoạch - ...	Phần mềm/Loại phần mềm/lớp	Trang bị theo số lớp và độ tuổi theo quy định, hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo.	
64	5	Thiết bị phòng học thông minh; Thiết bị Phòng dạy học, họp	Phòng/Loại	02	Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày

STT	Nội dung		Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		trực tuyến tại các cơ sở giáo dục và đào tạo (tuỳ vào yêu cầu thực tế để lựa chọn các thiết bị cho phù hợp)	Phòng/trường		25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.
65	5.1	Thiết bị hội nghị trực tuyến	Bộ/Phòng	1	Thiết bị hội nghị trực tuyến: Giao tiếp người học, giáo viên,...; Hệ thống camera phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn phóng ảnh chất lượng cao; tự động theo dõi người nói theo hình ảnh; ghi hình và phát sóng trực tuyến, hình ảnh ổn định; tích hợp điều khiển dễ dàng từ xa.
66	5.2	Màn hình (tối thiểu) 65 inch Smart; có bảng trượt	Cái/Phòng	1	Xuất hình ảnh; kết hợp Smart để sử dụng tài nguyên mạng internet. Các phần mềm phục vụ dạy học. Có các tính năng thích hợp cho nhiệm vụ dạy học, hội họp trực tuyến...
67	5.3	Thiết bị âm thanh phòng họp, giảng dạy	Bộ/Phòng	1	Thiết bị âm thanh phòng họp, giảng dạy: Hệ thống xử lý âm thanh riêng cao cấp, lọc ồn, nhiễu,...
68	5.4	Hệ thống âm thanh di động	Bộ/Phòng	1	Hệ thống âm thanh di động: Mở rộng phạm vi họp, dạy học bên ngoài.
69	5.5	Máy tính xách tay	Cái/Phòng	1	Máy tính xách tay: Ghi nhật ký, điều khiển; chia sẻ tài nguyên cho người chủ trì.
70	5.6	Máy in laser A4 hai mặt (trắng đen)	Cái/Phòng	1	Máy in: In ấn tài liệu; trích xuất thông tin; đánh giá, nhận xét

STT		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
					buổi học; biên bản cuộc họp; để kiểm tra.
71	5.7	Máy scan	Cái/Phòng	1	Dùng để quét các tài liệu (sách dạy học, tài liệu) để chuyển thành 1 file đưa lên màn hình giúp dạy học online hoặc trực tiếp
72	5.8	Thiết bị Phòng cháy chữa cháy và các thiết bị khác phù hợp.	Bộ/Phòng	01	

Ghi chú: Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.